

Số: 02/2026/QĐST-HNGĐ

Lào Cai, ngày 27 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 12/2025/TLST-VDS ngày 29 tháng 12 năm 2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn*”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Bùi Sỹ T, sinh năm 1987. Địa chỉ nơi cư trú: Thôn B, xã B, tỉnh Lào Cai.

- Chị Phạm Thị T1, sinh năm 1995. Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C, xã P, tỉnh Lào Cai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Sỹ T và chị Phạm Thị T1 tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/3/2021 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai nay là xã B, tỉnh Lào Cai. Quá trình chung sống đến khoảng tháng 5/2025 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng luôn bất đồng trong quan điểm sống và trong làm ăn kinh tế. Đến tháng 6/2025 anh T, chị T1 đã sống ly thân từ đó đến nay, mâu thuẫn vợ chồng mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không hàn gắn hạnh phúc được. Đến nay, anh Bùi Sỹ T và chị Phạm Thị T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống anh Bùi Sỹ T, chị Phạm Thị T1 có 01 con chung là cháu Bùi Minh Đ, sinh ngày 25/3/2022. Khi ly hôn anh, chị thống nhất thỏa thuận chị Phạm Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Minh Đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Bùi Sỹ T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Bùi Sỹ T, chị Phạm Thị T1 thỏa thuận mỗi người phải chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T1 và anh Bùi Sỹ T. Quan hệ hôn nhân của chị Phạm Thị T1 và anh Bùi Sỹ T chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Chị Phạm Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Minh Đ, sinh ngày 25/3/2022 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Bùi Sỹ T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị T1 và anh Bùi Sỹ T mỗi người phải chịu 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002399 ngày 26/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Anh Bùi Sỹ T và chị Phạm Thị T1 đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 9-Lào Cai (2);
- THADS tỉnh Lào Cai;
- UBND xã Bắc Hà, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HSVA, THS (3).

THẨM PHÁN

Triệu Vĩnh Thái

Lưu ý: Trường hợp các đương sự có thỏa thuận về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thì TA tuyên: (Nhận xét án của Phòng KTNV và THA ngày 31/12/2019)

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất ... %/năm (...%/tháng).